

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2009/TT-BTNMT ngày 19/3/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 3074/2013/QĐ-UBND ngày 30/8/2013 của UBND tỉnh Quy định về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Chi nhánh Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ K&C Việt Nam tại Thanh Hóa ngày 18/5/2018 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hoá tại Tờ trình số 646/TTr- STNMT ngày 05/6/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Chi nhánh Công ty cổ phần Thương mại dịch vụ K&C Việt Nam tại Thanh Hóa được xả nước thải vào nguồn nước từ hoạt động của Cơ sở sản xuất mỹ phẩm tại số 34, đường Thanh Chương, phố Thành Công, phường Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung sau:

1. Nguồn tiếp nhận nước thải: sông Thống Nhất;

2. Vị trí công trình xả nước thải:

- Nằm trong khu đất của đơn vị tại số 34, đường Thanh Chương, phố Thành Công, phường Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa.

- Tọa độ vị trí xả nước thải ra mương thu gom của khu vực (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiều 3^0), như sau:

$$X = 2187387 \text{ (m)}; Y = 584149 \text{ (m)}.$$

- Tọa độ vị trí nguồn tiếp nhận nước thải sông Thống Nhất (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiều 3^0), như sau:

$$X = 2188405 \text{ (m)}; Y = 585291 \text{ (m)}.$$

3. Phương thức xả thải: Nước thải sau khi xử lý được dẫn bằng hệ thống mương bê tông thoát nước thải và thải ra sông Thống Nhất.

4. Chế độ xả nước thải: 24h/ngày

5. Lưu lượng xả thải lớn nhất: $5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$

6. Giới hạn thông số, nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải:

Giá trị thông số các chất ô nhiễm được phép xả thải vào nguồn nước không vượt quá giá trị quy định tại QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B; $K_q=0,9$; $K_r=1,2$)- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, quy định ở Bảng sau:

Bảng thông số và giới hạn nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B, $K_q=0,9$; $K_r=1,2$)
1	Nhiệt độ	^0C	40
2	Màu	Pt/Co	150
3	pH	-	5,5-9
4	BOD ₅ (20 ⁰)	mg/l	54
5	COD	mg/l	162
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	108
7	Asen	mg/l	0,108
8	Thủy ngân	mg/l	0,0108
9	Chì	mg/l	0,54
10	Cadimi	mg/l	0,108
11	Crom (VI)	mg/l	0,108
12	Crom (III)	mg/l	0,108
13	Đồng	mg/l	2,16

14	Kẽm	mg/l	3,24
15	Niken	mg/l	0,54
16	Mangan	mg/l	1,08
17	Sắt	mg/l	5,4
18	Tổng xianua	mg/l	0,108
19	Tổng Phenol	mg/l	0,108
20	Dầu mỡ	mg/l	10,8
21	Sunfua	mg/l	0,54
22	Flua	mg/l	10,8
23	Amoni	mg/l	10,8
24	Tổng Nito	mg/l	43,2
25	Tổng Photpho	mg/l	6,48
26	Clo (Không áp dụng khi xả vào nguồn nước mặn, lợ)	mg/l	1080
27	Clo (dư)	mg/l	2,16
28	Tổng hóa chất BVTV clo hữu cơ	mg/l	1,08
29	Tổng hóa chất BVTV photpho hữu cơ	mg/l	1,08
30	Tổng PCB	mg/l	0.0108
31	Coliform	Vi khuẩn/100ml	5000
32	Tổng hoạt động phóng xạ α	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt động phóng xạ β	Bq/l	

7. Thời hạn của giấy phép: 5 năm (năm năm), kể từ ngày ký giấy phép.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Chi nhánh Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ K&C Việt Nam tại Thanh Hóa:

1. Thực hiện đúng quy định tại Điều 1 của Giấy phép này; nếu có thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản;

2. Thực hiện quan trắc nước thải và nguồn tiếp nhận như sau:

+ Quan trắc nước thải: Quan trắc liên tục lưu lượng nước thải qua đồng hồ đo lưu lượng tại vị trí xả nước thải sau xử lý tại vị trí cửa xả vào nguồn tiếp nhận; Quan trắc định kỳ chất lượng nước thải sau xử lý tại vị trí cửa xả tần suất quan trắc ba (03) tháng/lần với các thông số quan trắc quy định Bảng trên.

+ Quan trắc nguồn nước tiếp nhận: hai (02) vị trí tại sông Thống Nhất (về phía thượng nguồn 50m và hạ nguồn 50m so với vị trí từ hoạt động của Cơ sở sản xuất mỹ phẩm); Thông số quan trắc theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (Cột B2); Tần suất quan trắc ba (03) tháng/lần.

+ Lập sổ theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện quan trắc nước thải và nước nguồn tiếp nhận.

3. Hằng năm (trước ngày 15 tháng 12), tổng hợp báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Thanh Hóa (qua Phòng Tài nguyên và Môi trường) về tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xả nước thải; các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải theo đúng quy định.

4. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012.

5. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình, công nghệ đã trình bày trong hồ sơ đề nghị cấp phép; bảo đảm các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy chuẩn cho phép ở bảng trên trước khi xả ra bê tông thoát nước thải và thải ra sông Thống Nhất; thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong hồ sơ đề nghị cấp phép.

6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt quy chuẩn tại trên và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

7. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý tài nguyên nước và môi trường các cấp; nếu có sự cố bất thường liên quan đến việc xả nước thải phải dừng ngay xả thải và thực hiện các biện pháp khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước; đồng thời báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường, chính quyền địa phương để có biện pháp xử lý kịp thời.

Điều 3. Chi nhánh Công ty cổ phần Thương mại dịch vụ K&C Việt Nam tại Thanh Hóa được hưởng các quyền lợi hợp pháp và có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

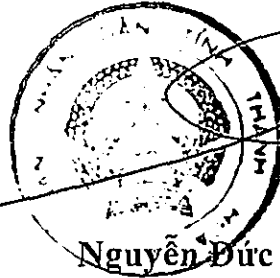
Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với UBND Thành phố Thanh Hóa và các đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát chất lượng nước thải từ hoạt động của Cơ sở sản xuất mỹ phẩm thuộc Công ty cổ phần Thương mại dịch vụ K&C Việt Nam tại Thanh Hóa; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với chất lượng nước thải của Cơ sở sản xuất mỹ phẩm ra môi trường.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Chi nhánh Công ty cổ phần Thương mại dịch vụ K&C Việt Nam tại Thanh Hóa còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:

- Công ty CP Thương mại dịch vụ K&C Việt Nam;
- Cục Quản lý TNN-Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường (10 bản);
- UBND thành phố Thanh Hóa;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, NN.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền